

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2022/DS-ST**
Ngày 24 tháng 05 năm 2022
“*V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng và ông Nguyễn Thế Hằng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu T, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Tổ dân phố 2..., thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.
2. *Bị đơn đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hàng Thanh P là:* Bà Trần Thị Minh T, (tên gọi khác: N) sinh năm 1978.
Địa chỉ: Tổ dân phố 3..., thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963
Địa chỉ: Tổ dân phố 2..., thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.
(Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2022, lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hữu T trình bày:

Vào ngày 27/02/2016 đến ngày 06/01/2020 ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T, có vay của gia đình tôi số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng và hẹn đến ngày 27/12/2016 sẽ trả, sau nhiều lần đòi, sau này ông P, bà T mới trả được cho tôi được tổng cộng là 75.000.000 đồng.

Vào ngày 06/01/2020 ông P, bà T vay số tiền 170.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 22/01/2020. Sau khi đòi nhiều lần ông P, bà T vẫn chưa

trả tiền cho tôi khoản tiền này. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà T phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày vay đến nay theo quy định của pháp luật là 209.263.833 đồng.

**Tại bản tự khai ngày 10/3/2022 và tại phiên tòa bị đơn, cũng là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T trình bày:*

Tôi thừa nhận ngày 27/02/2016 tôi có vay của ông Lê Hữu T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, tôi trả lãi hàng tháng, tính đến ngày 30/01/2018 tôi còn nợ 200.000.000 đồng tiền gốc và 71.000.000 đồng tiền nợ lãi.

Ngày 12/02/2018 tôi có vay tiếp của ông T, bà H số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 03%/tháng.

Trong khoảng thời gian này tôi có trả cho ông T bà H tiền lãi nhưng trả không đủ, nên đến ngày 06/01/2020 ông T bà H tự tính tiền lãi còn lại là 170.000.000 đồng và yêu cầu tôi lập giấy nhận nợ số tiền này và các bên thỏa thuận miệng cho tôi trả dần hàng tháng số tiền gốc và tôi đã trả được số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 12/02/2018. Còn số tiền vay 200.000.000 đồng tôi đã trả được 75.000.000 đồng. Nay ông T, bà H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền vay gốc và tiền lãi trên. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trừ số tiền tôi đã trả, còn lại tôi sẽ trả tiếp.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 03 năm 2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Tôi đồng ý lời trình bày của ông Lê Hữu T, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T phải trả cho chúng tôi số tiền gốc và tiền lãi còn lại.

Phản tranh tụng

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hữu T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, buộc ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T phải trả số tiền gốc còn lại và lãi suất phát sinh từ ngày vay đến nay theo quy định của pháp luật.

Bị đơn cũng là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 75 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu T, buộc ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 198.323.287 đồng và 68.683.774 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc

[2.1.1] Xét số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 27/02/2016. Qua thu thập chứng cứ, tại phiên tòa các bên đương sự thừa nhận vào ngày 27/02/2016 ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T có vay của ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 27/12/2016, nhưng ông P, bà T không trả được nợ theo cam kết như thỏa thuận trong hợp đồng là có thực. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên không phải chứng minh.

[2.1.2] Xét số tiền 170.000.000 đồng theo giấy vay ngày 06/01/2020

Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/03/2022 của ông Lê Hữu Tuấn (BL 42) ông T thừa nhận “*Sau khi chúng tôi thống nhất tính toán khoản tiền lãi mà ông Hàng Thanh P, bà Trần Thị Minh T còn nợ đến ngày 06/01/2020 là 170.000.000 đồng thì bà Trần Thị Minh T có viết giấy nhận nợ mới*”. Tại phiên tòa ông Lê Hữu T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thay đổi lời khai cho rằng: Trong số tiền này, bao gồm tiền lãi suất theo thỏa thuận của các bên chưa trả và số tiền cho vay mới, nhưng bà Trần Thị Minh T cho rằng đây là khoản tiền lãi của số tiền chưa trả chứ không có khoản vay mới. Lời trình bày của bà Trần Thị Minh T phù hợp với lời khai của ông Lê Hữu T tại biên bản làm việc ngày 18/03/2022. Có cơ sở pháp lý khẳng định, số tiền 170.000.000 đồng theo giấy vay ngày 06/01/2020 là khoản tiền lãi suất theo thỏa thuận của các bên chưa trả chuyển sang lập giấy nhận nợ, không phải là khoản tiền vay mới, khoản tiền lãi này được tính toán lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông Lê Hữu T.

Do đó chỉ cần buộc ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T phải trả cho ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Thị H khoản tiền nợ gốc 200.000.000 đồng theo giấy vay ngày 27/02/2016 sau khi trừ số tiền đã trả là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi

[2.2.1] Đối với khoản vay 200.000.000 đồng vay ngày 27/02/2016

- Đối với khoản tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 27/02/2016, các bên đương sự thừa nhận lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hàng tháng ông P, bà T đã trả lãi của khoản vay này, nhưng các bên không cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh thời gian trả lãi, số tiền lãi đã trả. Căn cứ vào mục (1) bảng tính toán tiền gốc và lãi đến ngày 30/12/2019 do ông Lê Hữu T lập (BL 36) thể hiện khoản tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng tính đến ngày 30/01/2018 ông Hàng Thanh P, bà Trần Thị Minh T còn nợ 71.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận thì tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng từ ngày 27/02/2016 đến ngày 30/01/2018 là 3%/tháng (tương đương 36%/năm). Như vậy, tiền lãi theo thỏa

thuận của các đương sự như sau: 703 ngày x 200.000.000 đồng x 36%/năm: 365 ngày là 138.673.973 đồng. Căn cứ vào bảng tính toán tiền gốc và lãi do gia đình ông T lập trên, có cơ sở khẳng định ông Hàng Thanh P và bà Trần Thị Minh T đã trả cho ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Thị H số tiền lãi là 67.673.973 đồng (138.673.973 đồng – 71.000.000 đồng).

Xét tiền lãi mà các bên thỏa thuận 03%/tháng là cao so với Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nên tiền lãi suất của khoản vay này phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Theo Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm. Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định, lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản và tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất, thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng vay ngày 27/02/2016 được tính toán lại như sau :

- Tiền lãi từ ngày 27/02/2016 đến ngày 31/12/2016 là $(200.000.000 \text{ đồng} \times 307 \text{ ngày} \times 9\%/\text{năm} \times 150\%) : 365 = 22.709.589 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/01/2018 là $(200.000.000 \text{ đồng} \times 395 \text{ ngày} \times 20\%/\text{năm}) : 365 = 43.287.671 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi từ ngày 27/02/2016 đến ngày 30/01/2018 là 65.997.260 đồng, ông P, bà T đã trả trong thời gian này được 67.673.973 đồng, số tiền lãi ông P, bà T đã trả dư là 1.676.713 đồng được trừ vào số tiền gốc vay 200.000.000 đồng để tính lãi là phù hợp.

Tiền lãi của giai đoạn từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/12/2019. Trong thời gian này, vào ngày 12/02/2018 ông P, bà T có vay thêm của ông T, bà H số tiền 50.000.000 đồng, sau đó các bên đã thống nhất cho bà T, ông P, trả dần số tiền vay gốc vào đầu năm 2020, còn tiền lãi của số tiền vay này được cộng dồn với tiền lãi của khoản vay ngày 27/02/2016 để lập giấy nhận nợ ngày 06/01/2020. Như vậy, khoản tiền lãi của khoản vay ngày 27/02/2016 sau khi trừ số tiền trả dư vào tiền gốc cộng với khoản vay ngày 12/02/2018 là 248.323.287 đồng để tính lãi như sau: $248.323.287 \text{ đồng} \times 700 \text{ ngày} \times 20\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày} = 95.247.288 \text{ đồng}$. Từ ngày 04/03/2018 đến ngày 04/01/2020, ông P, bà T đã nhiều lần trả cho ông T tiền lãi (BL 29) với số tiền là 46.000.000 đồng. Như vậy tiền lãi ở giai đoạn này ông P, bà T còn nợ lại là 49.249.288 đồng.

- Trong thời gian vay số tiền 200.000.000 đồng bà T, ông P đã trả lãi cho ông T, bà H dư 1.676.713 đồng, nên được trừ vào tiền nợ gốc để tính lãi tiếp từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/05/2022 là có cơ sở, cụ thể: $869 \text{ ngày} \times 198.323.287 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} : 365 = 94.434.486 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền gốc + lãi tính đến ngày 24/5/2022 là 342.007.061 đồng (198.323.287 đồng + 49.249.288 đồng + 94.434.486 đồng)

Thời gian từ ngày 21/09/2020 đến ngày 24/02/2022 bà Trần Thị Minh T đã trả cho ông T, bà H 09 lần tiền với số tiền là 75.000.000 đồng, do các bên không thống nhất được số tiền này trả gốc hay trả lãi, nên trừ số tiền đã trả này vào khoản nợ tiền

lãi. Còn lại buộc ông Hàng Thanh Phương, bà Trần Thị Minh Thư phải trả cho ông Lê Hữu Tuấn, bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền gốc, lãi còn lại là 267.007.061 đồng thỏa đáng.

Đối với yêu cầu của ông Lê Hữu Tuấn, buộc ông Hàng Thanh Phương, bà Trần Thị Minh Thư phải trả số tiền gốc là 170.000.000 đồng theo giấy vay ngày 06/01/2020 và tiền lãi của các khoản 142.256.772 đồng. Tổng là 312.256.772 đồng là không có căn cứ, cần bác yêu cầu của ông Tuấn về số tiền gốc, lãi này.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lê Hữu Tuấn được chấp nhận một phần, nên ông Lê Hữu Tuấn phải chịu tiền án phí của số tiền không được Tòa án chấp nhận. Nhưng ông Lê Hữu Tuấn là người cao tuổi, có đơn xin miễn, nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

Buộc ông Hàng Thanh Phương và bà Trần Thị Minh Thư phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 476 Bộ luật dân sự 2005

Điều 463, khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1,2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu Tuấn

Buộc ông Hàng Thanh Phương và bà Trần Thị Minh Thư, phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Hữu Tuấn và bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền nợ gốc là 198.323.287 đồng và lãi suất phát sinh (tạm tính đến ngày 24/05/2022) là 68.683.774 đồng. Tổng cộng là 267.007.061 đồng (*Hai trăm sáu mươi bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn không trăm sáu mươi một đồng*)

Bác yêu cầu của ông Lê Hữu Tuấn, về việc buộc ông Hàng Thanh Phương, bà Trần Thị Minh Thư phải trả số tiền gốc là 170.000.000 đồng theo giấy vay ngày 06/01/2020 và tiền lãi của các khoản 142.256.772 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự

[2] Về án phí: Buộc ông Hàng Thanh Phương và bà Trần Thị Minh Thư phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.350.000 đồng. (lấy tròn số) (*Theo mức: 267.007.061 đồng x 5%*).

Ông Lê Hữu Tuấn được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm đối yêu cầu bị bác.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Tuấn